

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PÁC NẶM
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ - ST
Ngày 08/9/2020
“V/v: Ly hôn và nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PÁC NẶM, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Thanh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Đức Quang

Bà Chu Thị Thi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Cà Ngọc Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Pác Nặm, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2020 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị P, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn N, xã G, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

Bị đơn: Anh Bàn Văn S, sinh năm 1983

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã G, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn

Nơi ở hiện nay: Thôn Kh, xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Bàn Văn S là ông Đinh Xuân D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2020, ý kiến tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Triệu Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bàn Văn S có quen biết, tự do tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013, đến ngày 02/02/2015 được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Pác Nặm cấp giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại nhà riêng của chị thuộc Thôn N, xã G, huyện Pác Nặm. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do anh S thường xuyên uống rượu, mắng chửi chị và con riêng của chị, chị đã khuyên nhủ nhưng anh S không thay đổi dẫn đến cãi nhau. Đầu năm 2017 anh S bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình, không phụ chị chăm sóc con chung, chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, hiện nay chị và anh S không quan tâm đến nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn S.

Về con chung: Chị và anh Bàn Văn S có 01 con chung tên là Sầm Văn T, sinh ngày xx/xx/20xx từ khi sinh ra con chung của anh chị sinh sống cùng chị tại Thôn N, xã G, huyện Pác Nặm, nhưng ngày 18/8/2020 anh S đã tự ý đưa con về Thôn Kh, xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn ở cho đến nay. Chị đã đăng ký cho con học lớp 1 tại xã G, huyện Pác Nặm nhưng anh S không cho con về để đi học. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Bàn Văn S cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Không có

Về vay nợ chung: Không có

Về cho vay nợ chung: Không có

Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, anh Bàn Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Triệu Thị P sống chung với nhau từ năm 2013 đến ngày 02/02/2015 được Ủy ban nhân dân xã G, huyện Pác Nặm cấp giấy chứng nhận kết hôn, thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, thời gian sau do bất đồng quan điểm sống nên anh và chị P thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Tháng 02/2017 do kinh tế khó khăn anh đã đi làm thuê ở cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng đến tháng 02/2019 trở về, trong thời gian làm thuê ở cửa khẩu Tà Lùng thỉnh thoảng anh có về thăm nhà nhưng không gửi tiền về phụ giúp chị P nuôi con chung vì công việc làm thuê chỉ đủ nuôi sống bản thân. Tháng 02/2020 anh và chị P xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nên anh đã bỏ nhà đi cho đến nay, nguyên nhân anh bỏ nhà đi là do mâu thuẫn với chị P, anh xác định không chung sống được với chị P nên anh mới bỏ đi, nay chị P xin ly hôn nhưng anh không đồng ý. Anh chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện chị P cho anh được nuôi con chung Sầm Văn T và cho anh số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) là số tiền để anh nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa

anh S đã nhất trí ly hôn với chị Pu.

- Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung tên là Sầm Văn T, sinh ngày xx/xx/20xx từ khi sinh ra con chung sinh sống cùng chị P tại Thôn N, xã G, huyện Pác Nặm, nhưng ngày 18/8/2020 anh S đã đưa con về Thôn Kh, xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn ở cùng nhà với anh trai là Bàn Văn T cho đến nay, sau khi ly hôn anh có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung một lần với số tiền 15.000.000^d (Mười năm triệu đồng).

Về tài sản chung: Không có.

Về vay nợ chung: Không có

Về cho vay nợ chung: Không có

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Triệu Thị P và bị đơn anh Bàn Văn S thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Sầm Văn T, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Bị đơn anh Bàn Văn S và nguyên đơn chị Triệu Thị P thống nhất thuận tình ly hôn và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Sầm Văn T, yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung một lần với số tiền 15.000.000^d (Mười năm triệu đồng).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ và đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng khi không ký biên bản hòa giải lần hai và không nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử.

+ Về nội dung: Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Triệu Thị P và bị đơn anh Bàn Văn S, giao con chung là Sầm Văn T cho chị Triệu Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị Pu không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Bàn Văn S đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị P và anh S. Đề nghị giao con chung Sầm Văn T cho anh Bàn Văn S trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi vì hiện nay con chung đã được anh S đón về Thôn Kh, xã C, huyện Pác Nặm sinh sống cùng với gia đình anh trai là Bàn Văn T, hơn nữa cháu T là con trai nên việc giao cho anh S nuôi cũng sẽ tốt hơn về tâm sinh

lý, đề nghị chị P cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S một lần với số tiền 15.000.000^d (Mười năm triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Triệu Thị P có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn anh Bàn Văn S và giải quyết việc nuôi con chung, nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn và nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn anh Bàn Văn S có hộ khẩu thường trú tại xã G, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn do vậy việc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị P kết hôn với anh Bàn Văn S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/02/2015 tại UBND xã G, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, như vậy việc kết hôn của chị P, anh S là hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà riêng của chị P thuộc Thôn N, xã G, huyện Pác Nặm, cuộc sống chung hạnh phúc, đến năm 2017 xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S thường xuyên uống rượu, chửi mắng vợ con, không quan tâm chăm sóc gia đình, tháng 02/2017 do kinh tế khó khăn anh S đã đi làm thuê ở cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng đến tháng 02/2019 trở về nhà, trong thời gian làm thuê ở cửa khẩu Tà Lùng thỉnh thoảng anh S có về thăm nhà nhưng không gửi tiền về phụ giúp chị P nuôi con chung, tháng 02/2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nên anh S đã bỏ nhà đi và sống ly thân với chị P cho đến nay, chị P đề nghị Hội đồng xét xử cho chị được ly hôn với anh S.

Tại phiên tòa anh S xác nhận mâu thuẫn của vợ chồng anh kéo dài đã lâu, cuộc sống không hòa hợp, anh đồng ý ly hôn với chị P.

Xét thấy tại phiên tòa chị Triệu Thị P và anh Bàn Văn S đã tự nguyện thuận tình ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị P và anh S.

[2.2]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P và anh S có 01 con chung tên là Sầm Văn T, sinh ngày xx/xx/20xx hiện nay con chung của anh chị đang sinh sống với anh S và gia đình anh trai anh S là anh Bàn Văn T tại Thôn Kh, xã C, huyện Pác Nặm, cả chị P và anh S đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, anh S yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung một lần với số tiền là 15.000.000^d (Mười năm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét yêu cầu của chị P thấy rằng chị P có nhà ở ổn định và có đất canh tác tại Thôn N, xã G, huyện Pác Nặm đảm bảo cuộc sống được chính quyền địa phương xác nhận, cháu Sầm Văn T từ nhỏ đã sống cùng với chị P và

được chị cho đi học mầm non đầy đủ, năm học 2020 - 2021 chị đã nộp hồ sơ đăng ký cho cháu theo học và đã được trường Tiểu học và Trung học cơ sở G xếp vào học lớp 1 điểm trường chính, tuy nhiên ngày 18/8/2020 anh S đã đưa con chung Sầm Văn T về Thôn Kh, xã C, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn, chị P đã nhiều lần yêu cầu anh S đưa con về xã G để con được đi học nhưng anh S không đồng ý. Xét thấy chị P có đủ điều kiện để nuôi dạy con chung Sầm Văn T, do vậy việc chị P tiếp tục nuôi con chung sau khi đã ly hôn là phù hợp, chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét yêu cầu xin nuôi con của anh S, Hội đồng xét xử thấy anh S đã ít quan tâm chăm sóc cháu T từ khi còn nhỏ, anh không phụ giúp chị P nuôi dưỡng chăm sóc cháu T, hiện nay anh không có nhà ở mà đang phải ở nhờ nhà anh trai Bàn Văn T, anh không có tài sản và công việc ổn định để đảm bảo cuộc sống cho cháu T, do vậy việc giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ không đảm bảo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh S.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Triệu Thị P và anh Bàn Văn S xác nhận không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về vay nợ chung: Chị Triệu Thị P và anh Bàn Văn S xác nhận không vay nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về cho vay nợ chung: Chị Triệu Thị P và anh Bàn Văn S xác nhận không cho vay nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pác Nặm đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn chị Triệu Thị P và bị đơn anh Bàn Văn S, giao con chung là Sầm Văn T cho chị Triệu Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, chị P không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Bàn Văn S cho rằng con chung của chị P và anh S là Sầm Văn T đã được anh S đón về ở nhà anh trai anh S là Bàn Văn T tại Thôn Kh, xã C, huyện Pác Nặm, hơn nữa cháu T là con trai nên việc giao cho anh S nuôi cũng sẽ tốt hơn về tâm sinh lý, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Sầm Văn T cho anh Bàn Văn S trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và đề nghị chị P cấp dưỡng nuôi con chung cho anh S một lần với số tiền 15.000.000^d (Mười năm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh S là không có cơ sở, bởi lẽ từ khi cháu T còn nhỏ anh S đã ít quan tâm chăm sóc cháu T, suốt một thời gian dài anh không phụ giúp chị P nuôi dưỡng chăm sóc cháu T, hiện nay anh không có nhà ở, không có tài sản và công việc ổn định để đảm bảo cuộc sống cho cháu T. Do vậy đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh S không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Chị Triệu Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 28, 35, 39 khoản 4 điều 147, điều 271 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận chị Triệu Thị P và anh Bàn Văn S thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Sầm Văn T, sinh ngày xx/xx/20xx cho chị Triệu Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Bàn Văn S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Triệu Thị P không yêu cầu anh Bàn Văn S cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo “Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số 00976 ngày 20/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Pác Nặm. (01b)
- TAND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn. (01b)
- Chi cục THADS huyện Pác Nặm. (01b)
- UBND xã G, huyện Pác Nặm. (01b)
- Các đương sự. (02b)
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. (01)
- Lưu hs; lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thanh Tuấn

